

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Liên quan đến chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán so với Báo cáo tài chính năm 2018, nay Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Đô Thành xin giải trình như sau:

A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Một số chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán đã được Kiểm toán viên điều chỉnh và phân loại lại như sau:

Khoản mục	BCTC năm 2018 (trước kiểm toán)		BCTC năm 2018 (đã kiểm toán)		Chênh lệch	
	Mã số	Số tiền	Mã số	Số tiền		
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	(2.763.116.431)	100	(3.013.455.445)	(250.339.014)	
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(2.763.116.431)	137	(3.013.455.445)	(250.339.014)	(1)
TÀI SẢN DÀI HẠN		60.134.163.408		60.149.118.779	14.955.371	
Tài sản cố định hữu hình	221	59.061.709.059	221	60.149.118.779	1.087.409.720	(2)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	1.072.454.349	224	-	(1.072.454.349)	(3)
NỢ PHẢI TRẢ	300	44.170.446.919	300	44.107.423.418	(63.023.501)	
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.202.580.838	313	1.155.646.118	(46.934.720)	(4)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	42.657.806.081	320	42.365.717.300	(292.088.781)	(5)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	310.060.000	338	586.060.000	276.000.000	(6)
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.932.726.101	400	5.744.987.224	(187.738.877)	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.932.726.101	421	5.744.987.224	(187.738.877)	(7)

Chi tiết chênh lệch:

(1) Mã số 137 tăng do Kiểm toán điều chỉnh tăng chi phí dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi số tiền 250.339.014 đồng do Công ty trích lập thiếu.

(2) Mã số 221 tăng do Kiểm toán điều chỉnh kết chuyển nguyên giá, hao mòn lũy kế của TSCĐ thuê tài chính sang TSCĐHH do Công ty mua lại tài sản thuê khi hết thời hạn thuê với nguyên giá 1.388.789.808 đồng và giá trị hao mòn lũy kế 316.335.459 đồng, và kết chuyển phần giá trị mua lại TSCĐ thuê tài chính mà Công ty đang treo trên TK 244 vào nguyên giá TSCĐ do Hợp đồng cho thuê

tài chính đã thanh lý tại ngày 14/07/2018 số tiền 15.378.735 đồng , Điều chỉnh tăng khấu hao Công ty trích sót cho tài sản bộ máy ép thủy lực SY – 30 BY số tiền 423.364 đồng.

(3) Mã số 224 giảm do Kiểm toán điều chỉnh giảm giá trị của Tài sản thuê tài chính đã hết thời hạn thuê và Công ty đã thực hiện mua lại với nguyên giá 1.388.789.808 đồng và giá trị hao mòn lũy kế 316.335.459 đồng.

(4) Mã số 313 giảm do ảnh hưởng đến thuế TNDN theo các điều chỉnh liên quan đến doanh thu và chi phí, giảm số tiền 46.934.720 đồng.

(5) Mã số 320 giảm do Kiểm toán Điều chỉnh khoản chênh lệch tỷ giá công nợ 341 vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm số tiền 16.088.781 đồng, Điều chỉnh khoản nợ dài hạn đến hạn trả đơn vị hạch toán nhằm sang nợ ngắn hạn số tiền 276.000.000 đồng

(6) Mã số 338 tăng do Kiểm toán Điều chỉnh khoản nợ dài hạn đến hạn trả đơn vị hạch toán nhằm sang nợ ngắn hạn số tiền 276.000.000 đồng.

(7) Mã số 421 tăng do ảnh hưởng của các điều chỉnh liên quan đến doanh thu và chi phí nêu trên.

B. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	BCTC năm 2018 (trước kiểm toán)		BCTC năm 2018 (đã kiểm toán)		Chênh lệch	
	Mã số	Số tiền	Mã số	Số tiền		
Giá vốn hàng bán	11	124.190.081.152	11	124.190.504.516	423.364	(1)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	328.188.772	21	344.277.553	16.088.781	(2)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	4.608.599.784	26	4.858.938.798	250.339.014	(3)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	6.602.082.123	50	6.367.408.526	(234.673.597)	(4)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	1.354.947.430	51	1.308.012.710	(46.934.720)	(5)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	5.247.134.693	60	5.059.395.816	(187.738.877)	(6)

Chi tiết chênh lệch:

(1) Mã số 11 tăng do Kiểm toán Điều chỉnh tăng khấu hao Công ty trích sót cho tài sản bộ máy ép thủy lực SY – 30 BY số tiền 423.364 đồng.

(2) Mã số 21 tăng do Kiểm toán Điều chỉnh khoản chênh lệch tỷ giá công nợ 341 vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm số tiền 16.088.781 đồng

(3) Mã số 25 tăng do Kiểm toán điều chỉnh trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi tăng thêm số tiền 250.339.014 đồng.

(4), (5), (6) Mã số 50, 51, 60 tăng do ảnh hưởng của các điều chỉnh liên quan đến doanh thu và chi phí nêu trên.

C. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Chỉ tiêu	Mã số	BCTC năm 2018 (trước kiểm toán)	BCTC năm 2018 (đã kiểm toán)	Chênh lệch
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	158.931.326.633	158.623.707.066	(307.619.567)
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(124.300.084.847)	(133.773.738.139)	(9.473.653.292)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(20.985.530.331)	(20.826.835.940)	158.694.391
Tiền chi trả lãi vay	04	(2.265.096.890)	(2.322.421.618)	(57.324.728)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	76.144.558	2.056.929.810	1.980.785.252
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(19.809.293.041)	(11.461.729.275)	8.347.563.766
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(8.352.533.918)	(7.704.088.096)	648.445.822
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.482.263.025)	(2.449.309.930)	32.953.095
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	328.188.772	6.134.692	(322.054.080)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.154.074.253)	(2.443.175.238)	(289.100.985)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	82.343.656.125	82.352.712.701	9.056.576
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(62.355.283.794)	(62.377.222.693)	(21.938.899)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.222.847.800)	(4.336.587.800)	(113.740.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	15.765.524.531	15.638.902.208	(126.622.323)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	3.668.969.293	3.901.691.807	232.722.514
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	245.851.473	13.128.959	(232.722.514)

Nguyên nhân chênh lệch: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty do phần mềm kế toán tổng hợp nên một số chỉ tiêu được mặc định sẵn, chưa tổng hợp đúng dòng tiền thực tế của các hoạt động trong Công ty. Kiểm toán tổng hợp lại lưu chuyển tiền thực tế theo từng hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính theo thực tế phát sinh tại Công ty nên phát sinh chênh lệch số liệu so với số liệu Công ty tổng hợp.

Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Đô Thành xin giải trình để Quý Cơ quan được biết.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu (HCNS, KTTT)



Lê Công Nghiệp
TỔNG GIÁM ĐỐC